

Số: 312/2024/QĐST - HNGĐ

TP Thanh Hóa, ngày 27 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Nga

**Thư ký phiên họp:** Ông Trần Đình Tú - Thư ký Tòa án thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên họp:** Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 385/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 17/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1. Anh Lê Văn Q, sinh năm 1970 (*Vắng mặt*)

2. Chị Lê Thị T, sinh năm 1974 (*Vắng mặt*)

Cùng cư trú tại: SN F đường L, phố E, phường Q, TP ., tỉnh Thanh Hóa.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** UBND xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Hoàng Việt C - Chủ tịch UBND xã.

**Người đại diện theo uỷ quyền:** Ông Lê Đức T1 - Công chức tư pháp - Hộ tịch xã H. (*Có mặt*)

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Tại đơn yêu cầu và bản tự khai anh Lê Văn Q chị Lê Thị T trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh Lê Văn Q và chị Lê Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H (nay là TP .) tháng 12/1990. Khi đăng ký kết hôn (tháng 12/1990) chị Lê Thị T kê khai chị sinh năm 1972. Vì vậy anh chị đã được UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào sổ đăng ký kết hôn và cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, theo Căn cước công dân và Giấy khai sinh thì chị Lê Thị Tuyết s ngày 07/5/1974. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T chưa 18 tuổi.

Nay anh chị xác định: Việc đăng ký kết hôn của anh chị là vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, vì tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T chưa đủ tuổi kết hôn; Song việc anh chị kết hôn là tự nguyện; Quá trình chung sống đến nay anh chị hòa thuận hạnh phúc, đã có con chung, kinh tế chung. Vì vậy, anh chị đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

*Trong bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của UBND xã H trình bày:* Tại Sổ đăng ký kết hôn năm 1990 của UBND xã Đ, huyện H thể hiện: Chị T sinh năm 1972 và anh Q sinh năm 1970; Anh chị cùng thường trú tại Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; UBND xã H đã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/1990 tháng 12/1990 cho anh chị. Nay anh chị yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật do vi phạm về độ tuổi kết hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên họp anh Q chị T vắng mặt.* Trong đơn xin vắng mặt anh chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do UBND xã H, huyện H cấp tháng 12/1990 và đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị là hợp pháp.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã H giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại bản tự khai. Đồng thời xác định: Anh Q chị T đề nghị huỷ việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ vì CCCD của chị T thể hiện khi đăng ký kết hôn chị T mới 16 tuổi 7 tháng. Tuy nhiên khi thực hiện kê khai đăng ký kết hôn do chị T khai năm sinh của chị là 1972 (đã đủ tuổi kết hôn) do đó UBND xã H đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Q chị T. Vì vậy, UBND xã H không có lỗi trong việc đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh chị.

#### ***Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp Tòa án và đương sự đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS. Tại phiên họp anh Q chị T có đơn xin vắng mặt đề nghị Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự mở phiên họp vắng mặt anh Q chị T

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 5 - Luật HNGĐ 1986; Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và điểm a khoản 2 Điều 4 TSLT 01/2016/TSLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn Q chị Lê Thị T; Về lệ phí: Anh Q chị T không phải chịu lệ phí.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện của Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:*

**[1] Về tố tụng:** Anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị T2 được UBND xã H, huyện H (nay là xã H, thành phố T) cấp Giấy chứng nhận kết hôn tháng 12/1990. Nay anh, chị xác định: Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T2 chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật nên anh chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa hủy việc kết hôn trái pháp luật. Tòa án thành phố T thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu của

anh chị là đúng quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp anh Q chị T2 vắng mặt song đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt. Do đó Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 367- Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh chị

**[2] Về nội dung:**

Anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị T2 tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Tháng 12/1990 anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H (nay là xã H, thành phố T). Khi làm thủ tục khai đăng ký kết hôn chị T2 khai chị sinh năm 1972 do đó UBND xã H, huyện H đã thực hiện việc đăng ký kết hôn và cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32 tháng 12/1990 cho anh chị.

Tuy nhiên, theo Căn cước công dân và Giấy khai sinh của chị T2 thì chị Lê Thị Tuyết s ngày 07/5/1974. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T2 mới 16 năm 7 tháng tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn. Việc anh chị kết hôn đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 5 Luật HNGĐ 1986, quy định “Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”.

Việc kết hôn trái pháp luật này là do lỗi của chị T2 khi đăng ký kết hôn đã khai báo không chính xác về ngày tháng năm sinh của chị; UBND xã H cũng có lỗi trong việc không kiểm tra Chứng minh nhân dân của chị T2 khi tiến hành đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Q chị T2.

Nay anh Q chị T2 yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Xét thấy tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị T2 không có đủ điều kiện kết hôn (chưa đủ tuổi kết hôn) nhưng sau đó đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật HNGĐ 1986; Việc anh chị kết hôn là tự nguyện; Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc, có con chung, kinh tế chung; Trong đơn yêu cầu anh chị đều đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị. Yêu cầu của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 11 - Luật Hôn nhân và gia đình 2000 và điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình

- Về lệ phí: Anh Lê Văn Q chị Lê Thị T không phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 5 Luật HNGĐ 1986; Điều 11; Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình; a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Về hôn nhân:** Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lê Văn Q và chị Lê Thị T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 tháng 12/1990 do UBND xã H, huyện H (nay là xã H, thành phố T) tỉnh Thanh Hóa cấp.

Công nhận hôn nhân của anh Lê Văn Q, sinh năm 1972 và chị Lê Thị T, sinh năm 1974 hợp pháp từ ngày 08/5/1991.

**Về lệ phí:** Anh Lê Văn Q và chị Lê Thị T không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhân:**

- Các đương sự
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND xã Hoàng Đại, TP. Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Nga**